

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:	NGOẠI KHOA 3 THỰC HÀNH NGOẠI KHOA 3
- Mã học phần:	11013011, 11013012
- Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
X Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	6 (2 lý thuyết + 4 thực hành)
+ Số lý thuyết/ số buổi:	30 tiết (30 tiết ca lâm sàng)
+ Số tiết thực hành/ số buổi:	8 tuần (120 tiết thực hành tại giường bệnh)
+ Thi hết môn học:	1 tuần (mỗi sinh viên thi 60 phút)
- Môn học tiên quyết:	Ngoại cơ sở 1 và Ngoại bệnh lý
- Môn học song hành:	

1. Mô tả môn học:

Học phần Ngoại khoa 3 Bệnh học Ngoại khoa Tiêu hoá là một học phần quan trọng thuộc nhóm kiến thức – kỹ năng chuyên ngành Y. Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các vấn đề và các bệnh Ngoại khoa Tiêu hoá tại Việt Nam; trang bị cho sinh viên kỹ năng thủ thuật, phẫu thuật ở mức tối thiểu mà người bác sĩ đa khoa tốt nghiệp trường phải biết và làm được. Để học tốt học phần này, cần phải có những kiến thức liên quan khác như: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, mô học, vi sinh, dược lý, phẫu thuật thực hành...

- Học phần Ngoại cơ sở 1 và Ngoại bệnh lý (Năm 2, năm 3): **Tiếp cận chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng các vấn đề ngoại khoa thường gặp ở Việt Nam.**
- Học phần **Ngoại khoa 3** **Bệnh học Ngoại khoa Tiêu hoá (Năm 6):** Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh lý ngoại khoa tiêu hóa thường gặp ở Việt Nam.

Đề cương chi tiết này được viết riêng cho học phần **Ngoại khoa 3** Bệnh học Ngoại khoa Tiêu hoá năm thứ 6.

2. Nguồn học liệu

1. Giáo trình Elearning: <https://elearning.ump.edu.vn/>
2. Sách “Ngoại khoa cơ sở”, Bộ môn Ngoại ĐHYD TPHCM, NXB Y học, 2019
3. Sách “Ngoại khoa ống tiêu hóa”, Bộ môn Ngoại ĐHYD TPHCM, NXB Thanh Niên 2016, tái bản năm 2021
4. Sách “Cấp cứu Ngoại tiêu hóa”, Bộ môn Ngoại ĐHYD TPHCM, NXB Thanh Niên, 2018
5. Sách “Căn bản về tiêu phẫu”, Bộ môn Ngoại ĐHYD TPHCM, NXB Thanh niên, 2016, tái bản năm 2021
6. Sách “Bệnh học Ngoại khoa Tiêu hoá”, Bộ môn Ngoại ĐHYD TPHCM, NXB Y học, 2020

Tài liệu khác:

1. Townsend CM, Beauchamp RD, Evers BM, Mattox KL (2018). Sabiston Textbook of Surgery; 20th Edit, Philadelphia, Elsevier
2. Williams NS, O’Connell PR, McCaskie AW (2018). Bailey & Love Short Practice of Surgery, 27th Edit, CRC Press.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (CLO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu		CDR của CTĐT
Kiến thức	CLO 1	Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, và y học chứng cứ để thiết lập và đánh giá chế độ chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa và chuyển viện an toàn các bệnh lý ngoại khoa tiêu hoá thường gặp ở Việt Nam	PLO 1, 2, 4,
Kỹ năng	CLO 2	Hỏi bệnh sử, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng, biện luận chẩn đoán, trình bày cách điều trị, và phòng ngừa các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp	PLO 4, 5, 6, 7, 9, 15, 16, 17
	CLO 3	Hỏi bệnh sử, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng, biện luận chẩn đoán, trình bày cách điều trị, và phòng ngừa các bệnh ngoại khoa tiêu hoá chương trình thường gặp ở Việt Nam	PLO 4, 5, 6, 9, 15, 16, 17
	CLO 4	- Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, phẫu thuật thực hành và y học chứng cứ để thực hiện các thủ thuật chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh ngoại khoa tiêu hoá thường gặp	PLO 1, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 15

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu		CDR của CTĐT
		<ul style="list-style-type: none"> - Khâu vết mổ/chăm sóc vết thương bụng - Rạch áp-xe phần mềm - Chọc dò ổ bụng/BN xuất huyết nội 	
Thái độ	CLO 5	Giải thích và tư vấn cho bệnh nhân và gia đình về các biện pháp chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh ngoại khoa tiêu hoá thường gặp ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với bệnh nhân.	PLO 3, 4, 9, 10, 11, 12, 14
	CLO 6	Hợp tác với các nhân viên y tế khác trong chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với đồng nghiệp.	PLO 6, 10, 13, 16, 21

4. Đánh giá học phần

Lý thuyết

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR của học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá giữa kỳ	Viết và trình bày chuyên đề và bệnh án các bệnh lý ngoại khoa tổng quát	CLO1	30%
A2. Đánh giá cuối kỳ	Thi kết thúc học phần (MCQ)	CLO1	70%

Thực hành:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR của học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Công việc: Hoàn tất các chỉ tiêu thực tập - Công cụ: Bảng checklist và Portfolio 	CLO 2, 3, 4, 5, 6	Điều kiện dự thi
A2. Đánh giá giữa kỳ	Mini-CEX	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6	20%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR của học phần	Tỷ lệ (%)
A3. Đánh giá cuối kỳ	OSCE	CLO 1,2, 3, 4, 5, 6	80%

- Kết thúc mỗi 2 tuần, sinh viên sẽ được giảng viên lượng giá lâm sàng giữa kỳ và phản hồi bằng bảng kiểm Mini-CEX vào thứ 6. Có 3 Mini-CEX trong 6 tuần đầu.
- Sinh viên sẽ được chia **trực tua 6**, sinh viên sẽ làm portfolio, GV kiểm tra portfolio mỗi tuần.

PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ CHI TIẾT

Kiểm tra	Giữa kỳ		Cuối kỳ	
Nội dung	Lý thuyết	Thực tập	Lý thuyết	Thực tập
Thời điểm	Giữa kỳ	Mỗi buổi thực tập	tuần 9	Trong tuần 9
Công cụ	Seminar	Mini-CEX	MCQ 4 chọn 1	OSCE
Số câu hỏi	Viết và trình bày chuyên đề	Thang điểm chi tiết	80 câu (90 phút)	4 trạm/32 phút
Chỉ tiêu thực tập	Tiêu hoá: Viêm ruột thừa; thủng dạ dày; tắc ruột; chấn thương-vết thương bụng; Trĩ, áp-xe, rò hậu môn; ung thư dạ dày, thực quản; ung thư đại-trực tràng Thoát vị bẹn - thoát vị thành bụng Gan mật: sỏi đường mật - sỏi túi mật; ung thư gan; ung thư quanh bóng Vater		Số câu/bài phân bố theo tỷ trọng các mục tiêu	

NỘI DUNG LƯỢNG GIÁ LÝ THUYẾT

Mục tiêu	Mức độ lượng giá			Tỷ trọng
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học và y học chứng cứ để thiết lập và đánh giá chế độ chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh lý ngoại khoa tiêu hoá thường gặp ở Việt Nam	8%	10%	82%	100%

<ul style="list-style-type: none"> Tiêu hoá <ul style="list-style-type: none"> Viêm ruột thừa Thủng dạ dày Tắc ruột Chấn thương-vết thương bụng Trĩ Áp-xe & rò hậu môn Ung thư dạ dày Ung thư thực quản Ung thư đại-trực tràng 			8%	
			8%	
			8%	
	2%		8%	
	2%		6%	
			6%	
	2%		6%	
			4%	
	2%		6%	
				68%
<ul style="list-style-type: none"> Thoát vị bẹn, thoát vị thành bụng 		2%	4%	6%
<ul style="list-style-type: none"> Gan mật: (chia đều số câu hỏi cho năm mục tiêu) <ul style="list-style-type: none"> Sỏi đường mật Sỏi túi mật Ung thư gan Ung thư quanh bóng Vater 		2%	6%	
		2%	6%	
	2%		4%	
	2%		2%	
				26%
<p>Qui định tính điểm lý thuyết học phần:</p> <p>Điểm tổng học phần lý thuyết = (Điểm chuyên đề giữa kì x 0,3) + (Điểm MCQ cuối kỳ x 0,7)</p> <p>* ĐẠT LÝ THUYẾT HỌC PHẦN: khi điểm thi MCQ cuối kỳ ≥ 4 VÀ điểm tổng cộng ≥ 4.</p> <p>Ghi điểm: Nếu điểm cuối kỳ đạt ≥ 4 và tổng điểm lý thuyết ≥ 4: ghi tổng điểm lý thuyết</p> <p>* KHÔNG ĐẠT LÝ THUYẾT HỌC PHẦN: khi điểm cuối kỳ < 4 HOẶC tổng điểm lý thuyết < 4.</p> <p>Cách ghi điểm: Ghi điểm lý thuyết cuối kỳ không đạt.</p> <p>* Sinh viên vắng học lý thuyết $> 2/14$ buổi, sẽ không được dự thi MCQ cuối kỳ, phải học trở</p>				

lại các buổi vắng vào khóa sau thì mới được dự thi MCQ cuối kỳ.

Cách ghi điểm: Ghi điểm tổng học phần lý thuyết không đạt.

NỘI DUNG LƯỢNG GIÁ THỰC HÀNH (100% mục tiêu đều lượng giá ở mức độ áp dụng)

MT	Mô tả mục tiêu	Tỷ trọng
2	Hỏi bệnh sử, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng và trình bày bệnh án chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh ngoại khoa tiêu hoá thường gặp	70%
3	Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, phẫu thuật thực hành và y học chứng cứ để thực hiện các thủ thuật đơn giản chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh ngoại khoa thường gặp	10%
4	Giải thích và tư vấn cho bệnh nhân và gia đình về các biện pháp chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh ngoại khoa tiêu hoá phổ biến tại Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với bệnh nhân.	10%
5	Hợp tác với các nhân viên y tế khác trong và ngoài chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh ngoại khoa tiêu hoá phổ biến tại Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với đồng nghiệp.	10%

Qui định tính điểm thực hành học phần:

Điểm tổng học phần thực hành = (Điểm trung bình 3 Mini CEX) x 0.2) + (Điểm cuối kỳ (OSCE) x 0,8)*

*Cách tổ chức thi cuối kỳ và quy định điểm thi thực hành cuối kỳ:

- Hình thức: OSCE (1 tình huống lâm sàng)

- Số trạm: 4 (8 phút/trạm)

+ Trạm 1 (20 điểm): hỏi bệnh sử, tiền căn

+ Trạm 2 (20 điểm): tóm tắt bệnh án, đặt vấn đề, biện luận chẩn đoán lâm sàng

+ Trạm 3 (30 điểm): đề nghị cận lâm sàng, biện luận cận lâm sàng và đưa ra chẩn đoán xác định

+ Trạm 4 (30 điểm): đưa ra hướng điều trị, tiên lượng, theo dõi, phòng ngừa bệnh

Điểm OSCE = (điểm trạm 1 + trạm 2 + trạm 3 + trạm 4) / 10

- ĐẠT KỲ THI OSCE CUỐI KỲ: SV phải đạt điểm trung bình của 4 trạm ≥ 4 điểm.

*** ĐẠT HỌC PHẦN THỰC HÀNH:**

- Tiêu chí: khi điểm thi cuối kỳ ≥ 4 VÀ điểm tổng học phần thực hành ≥ 4
- Cách ghi điểm: ghi điểm tổng học phần thực hành đạt.

*** KHÔNG ĐẠT HỌC PHẦN THỰC HÀNH:**

- Tiêu chí: khi điểm thi cuối kỳ < 4 HOẶC điểm tổng học phần thực hành < 4 .
- Cách ghi điểm: ghi điểm cuối kỳ không đạt hoặc điểm tổng học phần thực hành không đạt.

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC (EPA)

- Cuối tuần thứ 8, sinh viên sẽ được giảng viên nhận xét EPA trên hệ thống phần mềm thiết kế chung của khoa Y.

STT	Mục tiêu kỹ năng	EPA	Mức độ tin cậy	Phương pháp lượng giá
1	Hỏi đầy đủ các thành phần trong bệnh sử và tiền sử của bệnh án ngoại khoa.	EPA 1A, 1B, 1C	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
2	Giao tiếp tốt với bệnh nhân và thân nhân	EPA 1F, 2C	EPA 1F – 4 EPA 2C - 3	Quan sát trực tiếp / OSCE
3	Thực hiện đầy đủ các bước thăm khám người bệnh	EPA 1D	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
4	Thực hiện được đặt đường truyền tĩnh mạch, tiêm chích, lấy máu tĩnh mạch xét nghiệm, đặt thông mũi- dạ dày, thông trực tràng	EPA 8A, 8B	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
5	Thực hiện được chăm sóc thì đầu vết thương phần mềm, chích rạch các áp xe, nhọt phần mềm, chọc dò ổ bụng	EPA 8A, 8B	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
6	Khám chẩn đoán các bệnh ngoại khoa không cấp cứu thường gặp	EPA 1D, 1E, 1F EPA 2A, 2B, 2C	4	Quan sát trực tiếp / OSCE

7	Khám vùng bẹn và hậu môn-trực tràng	EPA 1D, 1E, 1F	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
8	Thăm khám một trường hợp bụng cấp ngoại khoa hay chấn thương/vết thương bụng	EPA 1D, 1E, 1F EPA 7A, 7B, 7C	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
9	Áp dụng y học chứng cứ vào thăm khám lâm sàng và đề nghị CLS	EPA 3B	3	Quan sát trực tiếp / OSCE
10	Trình bày bệnh án đầy đủ, mạch lạc, đảm bảo thông tin	EPA 6A, 6B, 6C	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
11	Phân tích kết quả các cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt	EPA 3A, 3B, 3C	EPA 3A, 3C – 4 EPA 3B - 3	Quan sát trực tiếp / OSCE
12	Giải thích người bệnh về chẩn đoán, sự cần thiết của các cận lâm sàng, tư vấn về chăm sóc và phòng ngừa sau mổ	EPA 2C	3	Quan sát trực tiếp / OSCE
13	Áp dụng y học chứng cứ vào thiết lập kế hoạch điều trị và theo dõi các bệnh ngoại khoa phổ biến	EPA 2B, 4A	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
14	Kê toa thuốc và tư vấn sử dụng thuốc	EPA 4A, 4B, 4C	4	Quan sát trực tiếp / OSCE
15	Viết bệnh án ngoại khoa	EPA 5A, 5B, 5C	4	Quan sát trực tiếp / OSCE

5. NỘI DUNG GIẢNG DẠY:

- Lý thuyết được dạy tại tổ bộ môn ở BV vào **2 buổi chiều trong tuần** từ 14:00 – 16:00 (2 tiết cho mỗi buổi). Tổng thời gian học tập lý thuyết là 14 buổi, trong 8 tuần. Tuần thứ 9 sẽ thi cuối đợt 80 câu MCQ- sinh viên sẽ thi tập trung ở trường.
- Phương pháp giảng dạy lý thuyết là thảo luận **ca lâm sàng chuẩn (CBL)** do giảng viên **chuẩn bị** và từng nhóm sinh viên (2 – 3 sinh viên) ở tổ bộ môn sẽ soạn nội dung các

chuyên đề này (mỗi CBL sẽ tương ứng 1 chuyên đề, mỗi chuyên đề có kèm mục tiêu cụ thể). Thảo luận ca lâm sàng lưu ý minh họa các chủ điểm lý thuyết ngoại khoa.

- Tại nhà, sinh viên phải tìm tài liệu, đọc bài word, soạn bài powerpoint và xem video bài giảng về chủ điểm sẽ thảo luận trong ca lâm sàng đã được tải lên e-learning từ trước.
- Tại từng buổi học, nhóm sinh viên được soạn chuyên đề nào sẽ **trình bày chuyên đề đó và trình bệnh án minh họa (bệnh nhân thật ở khoa đang thực hành) kèm theo**. Giảng viên hướng dẫn thảo luận, đồng thời theo dõi và đánh giá quá trình tham gia thảo luận của từng sinh viên trong nhóm trình bày và từng sinh viên còn lại. Mỗi giảng viên sẽ hướng dẫn, theo dõi và đánh giá từ 1 - 2 chuyên đề trong số 14 chuyên đề. Vào cuối mỗi buổi, giảng viên sẽ cho điểm cụ thể từng sinh viên trong nhóm trình bày. **Điểm trình chuyên đề chiếm tỷ trọng 30% điểm toàn bộ**.
- Cuối đợt học lý thuyết, sinh viên thi kết thúc 80 câu hỏi MCQ. Mỗi câu đúng được 1 điểm. Tổng điểm tối đa là 80 điểm. Điểm này được qui ra điểm 10 theo qui tắc: từ 0 – 40 điểm, cứ mỗi 10 câu đúng được 1 điểm; từ 41 – 80 điểm, cứ thêm được 7 câu đúng sẽ thêm 1 điểm cho đến 9 điểm, thêm được 5 câu đúng cuối cùng sẽ được 10 điểm. Điểm thi lý thuyết cuối kỳ chiếm tỷ trọng 70% điểm toàn bộ.
- Thực hành được dạy tại 4 bệnh viện thực hành: Chợ Rẫy, Bình Dân, Nhân Dân Gia Định, Đại Học Y Dược từ thứ hai đến thứ sáu, **từ 7:00 – 16:00**. Tổng thời gian thực hành là 8 tuần, 80 buổi, 210 tiết.
 - Sinh viên chia thành 4 đợt, mỗi đợt 12 tổ, mỗi tổ có 8 sinh viên, tổng cộng 96 sinh viên. 96 sinh viên chia ra tiếp thành 4 nhóm lớn đi ba bệnh viện thực hành theo tỷ lệ: 3 tổ (24 sinh viên) cho BV Chợ Rẫy, 3 tổ (24 sinh viên) cho BV Bình Dân, 2 tổ (16 sinh viên) cho BV Nhân Dân Gia Định, và 4 tổ (32 sinh viên) cho BV ĐHYD.
 - Tại mỗi bệnh viện sinh viên sẽ được chia thành 7 nhóm nhỏ (2 – 4 sinh viên), sinh viên xoay vòng qua các nhóm này. Mỗi nhóm sẽ học 1 nhóm bệnh lý trong 1 tuần với 1 nhóm Giảng viên. 7 nhóm bệnh lý gồm:
 - Nhóm bệnh 1: Ung thư dạ dày, ung thư thực quản
 - Nhóm bệnh 2: Ung thư và bệnh lý lành tính đại - trực tràng
 - Nhóm bệnh 3: Ung thư gan, ung thư quanh bóng Vater
 - Nhóm bệnh 4: Viêm ruột thừa, thủng dạ dày, tắc ruột
 - Nhóm bệnh 5: Sỏi đường mật, sỏi túi mật, thoát vị bẹn đùi
 - Nhóm bệnh 6: Chấn thương bụng, vết thương bụng
 - Nhóm bệnh 7: Bệnh lý hậu môn: Áp-xe hậu môn, rò hậu môn, trĩ

- Sinh viên được chia vào các nhóm chăm sóc bao gồm: 1 giảng viên + 2 đến 4 sinh viên Y₆ + 3 – 4 sinh viên Y₃. Mỗi nhóm chăm sóc tối đa có từ 6 – 9 sinh viên và 1 giảng viên. Tùy theo tình hình bệnh viện, nhóm chăm sóc có thể có thêm một bác sỹ nội trú giữ vai trò trợ giảng. Số lượng sinh viên trong một nhóm vào một thời điểm không vượt quá 10 người.
- Phương pháp giảng dạy thực hành chủ yếu là giảng dạy tại giường bệnh (**bedside teaching**) kết hợp với phản hồi tức thời (**realtime feedback**) từ giảng viên và từ đồng môn (**faculty feedback** và **peer feedback**) cho từng sinh viên trên các ca lâm sàng thực (real case) sinh viên theo dõi mỗi ngày. Sinh viên thảo luận từng ca lâm sàng: phân tích kết quả cận lâm sàng, đề ra phương án điều trị và phòng ngừa cho ca đó với giảng viên và các bạn trong nhóm chăm sóc.
- Tại nhà, sinh viên phải đọc bài word, xem video bài giảng về các chủ điểm thực hành, và làm các bài tập (nếu có) cho các bài phân tích kết quả cận lâm sàng. Sinh viên phải chuẩn bị sẵn sàng để áp dụng cho ca lâm sàng thực, thảo luận phân tích kết quả cận lâm sàng, và đề ra kế hoạch điều trị và phòng ngừa khi đi thực tập.
- Hàng ngày giảng viên hướng dẫn, theo dõi và đánh giá tính chuyên cần, tính tích cực thực hành. Giảng viên dùng Checklist, Mini-CEX đánh giá nhanh quá trình thực tập của sinh viên. Sinh viên phải chủ động hoàn thành các chỉ tiêu thực tập, nhờ giảng viên xem và xác nhận vào sổ tay thực tập (Portfolio). Kết quả đánh giá thực hành hàng ngày là điều kiện cần để thi kết thúc thực tập. Sinh viên vắng >10% số buổi của toàn bộ đợt thực tập sẽ bị cấm thi cuối kỳ. Nếu sinh viên bị cấm thi cuối kỳ, để đủ điều kiện thi thực hành lần 2: SV phải thực tập lại 50% tổng thời gian thực hành của môn học trong thời gian trước hè.
- Cuối mỗi 2 tuần trong 6 tuần đầu, sinh viên **viết và trình bày bệnh án** của một bệnh nhân thật, giảng viên dùng bảng kiểm Mini CEX giữa kỳ để đánh giá và cho điểm sinh viên. Kết quả trung bình của 3 đợt thi Mini CEX này là điểm thực hành giữa kỳ, chiếm 20% điểm thực hành học phần toàn bộ.
- Tuần lễ thứ 8, sinh viên sẽ được ôn tập và giải đáp thắc mắc trong toàn bộ quá trình thực tập.
- Tuần lễ thứ 9, sinh viên không thực tập, sẽ được ở nhà ôn bài và chỉ thi OSCE tập trung trong 1 ngày.

STT	NỘI DUNG	Số tiết	CĐR (CLO)	Bài Đánh giá
1.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Viêm ruột thừa	2	CLO 1, 2, 3, 4, 5	Thảo luận tại lớp, Trình chuyên đề, MCQ cuối kỳ
2.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Thủng dạ dày	2		
3.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Tắc ruột	2		
4.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Chấn thương bụng- Vết thương bụng	2		
5.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Sỏi đường mật	2		
6.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Sỏi túi mật	2		
7.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Thoát vị bẹn & thành bụng	2		
8.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Bệnh trĩ	2		
9.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Áp-xe & Rò hậu môn	2		
10.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị ung thư thực quản, ung thư dạ dày	3		
11.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Ung thư Đại tràng	2		
12.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Ung thư trực tràng	2		
13.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Ung thư Gan	2		
14.	Tiếp cận chẩn đoán & điều trị Ung thư quanh bóng Vater	2		
15.	Phản hồi giữa kỳ	2		
16.	Tổng cộng	30		

Thực hành

STT	NỘI DUNG	Thời gian / Số tiết	CĐR (CLO)	Bài Đánh giá
1.	Khâu vết mổ/vết thương	5	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6	Portfolio Mini CEX OSCE
2.	Chọc dò ổ bụng/BN xuất huyết nội	5		
3.	Rạch áp-xe phần mềm	5		
4.	Nhóm bệnh 1: Ung thư dạ dày, ung thư thực quản	15		

5.	Nhóm bệnh 2: Ung thư và bệnh lý lành tính đại - trực tràng	15		
6.	Nhóm bệnh 3: Ung thư gan, ung thư quanh bóng Vater	15		
7.	Nhóm bệnh 4: Viêm ruột thừa, thủng dạ dày, tắc ruột	15		
8.	Nhóm bệnh 5: Sỏi đường mật, sỏi túi mật, thoát vị bẹn đùi	15		
9.	Nhóm bệnh 6: Chấn thương bụng, vết thương bụng	15		
10.	Nhóm bệnh 7: Bệnh lý hậu môn: Áp-xe hậu môn, rò hậu môn, trĩ	15		

PHÂN BỐ NỘI DUNG GIẢNG THEO TUẦN

Lịch giảng lý thuyết tại mỗi tổ bộ môn ở BV vào 2 buổi chiều trong tuần từ 14:00 – 16:00 (2 tiết)

- Xem file lịch giảng lý thuyết chi tiết

Lịch hướng dẫn thực hành từ thứ 2 đến thứ 6 tại bệnh viện từ 7:00 – 16:00. Sinh viên luân chuyển qua xoay vòng qua các khoa ngoại tùy theo BV.

- 7:00 – 9:00: sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh
- 9:00 – 10:00: giảng viên đi buồng: sinh viên trình bệnh, giảng viên cho phản hồi cho sinh viên
- 10:00 – 16:00: sinh viên hỏi hay khám lại bệnh nhân, xem lại cận lâm sàng, xem lại phương án điều trị và phòng ngừa bệnh, thảo luận với các bạn trong nhóm chăm sóc.
- 10:00 – 16:00 vào ngày cuối tuần thứ nhất của mỗi trại, giảng viên sẽ phản hồi bệnh án cho sinh viên mình phụ trách để lấy điểm giữa kỳ.
- Xem file giảng thực hành chi tiết

6. Quy định của môn học

Qui định học lý thuyết:

- Sinh viên đi học đầy đủ và đúng giờ. Sinh viên đến trễ >15 phút sẽ không được cho phép vào học và sẽ bị tính vắng mặt 1 buổi.
- Sinh viên vắng mặt $\geq 2/14$ buổi học lý thuyết tính chung sẽ không được tham dự thi MCQ cuối kỳ.
- Sinh viên bị cấm thi vì không đi học đủ bài lý thuyết, phải đi học lại trong những đợt kế tiếp những buổi còn thiếu mới được dự thi MCQ cuối kỳ với đợt kế tiếp.

- Điểm lý thuyết là **ĐẠT** khi tổng điểm lý thuyết cuối cùng ≥ 4 .
- Sinh viên đủ điều kiện dự thi MCQ cuối kỳ nhưng thi rớt, được phép thi lại MCQ lần 2 tổ chức vào cuối năm học mà không cần dự lại các buổi lý thuyết.
- Đối với các sinh viên thi lý thuyết 2 lần không đạt, sinh viên sẽ học lại toàn bộ phần lý thuyết và thi vào những năm học sau.

Qui định học thực tập:

- Phải đi học đầy đủ và đúng giờ. Sinh viên đến trễ >15 phút sẽ bị tính vắng mặt 1 buổi.
- Sinh viên vắng mặt >10% tổng số buổi học cho từng khoa ngoại sẽ không được tham dự thi cuối kỳ.
- Phải hoàn thành tất cả các chỉ tiêu thực tập tại từng khoa ngoại, được giảng viên kiểm tra, ký xác nhận trên nhật ký thực hành mới đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.
- Phải thi giữa kỳ vào đầu tuần lễ thứ hai tại tất cả các khoa ngoại và được cho điểm đầy đủ mới đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.
- Sinh viên bị cấm thi cuối kỳ vì không đi thực tập đủ, phải đi thực tập lại trong thời gian ngay sau khi kết thúc 4 đợt thực hành với thời lượng tương ứng 4 tuần (50% tổng thời lượng thực hành ngoại) trong thời gian trước hè mới được dự thi lần 2 tổ chức vào cuối năm học.
- Điểm thực hành là **ĐẠT** khi điểm cuối kỳ ≥ 4 và tổng điểm thực hành đồng thời đạt ≥ 4 .

7. Phụ trách môn học

- Khoa/ Bộ môn: Bộ môn Ngoại Tổng quát - Khoa Y - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ liên hệ: Phòng bộ môn Ngoại lầu 4, khu 15 tầng, Đại học Y Dược TP.HCM, 217 Hồng Bàng, Q5, TP.HCM.
- Điện thoại Bộ môn: (08)38434629 (Thư ký Huỳnh Thị Ngọc Lam).
- **Người phụ trách: TS. BS. Võ Duy Long, 0918133915, long.vd@ump.edu.vn**

TP. HCM, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Trưởng Bộ môn Ngoại

PGS.TS. Nguyễn Văn Hải